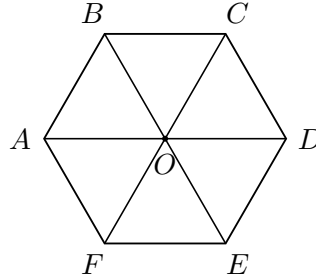




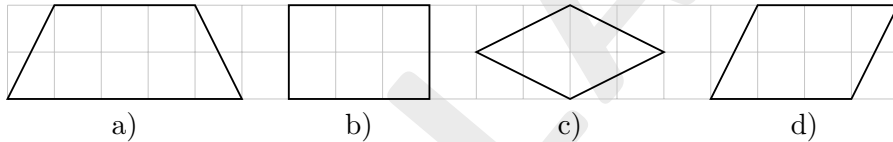
Phần A. Nhận biết – Củng cố

Câu 1. Cho hình lục giác đều $ABCDEF$ có tâm O (hình bên dưới).

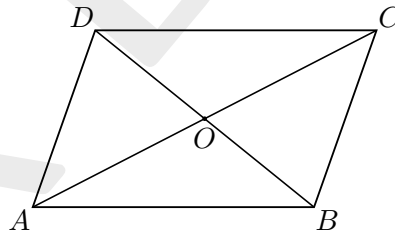


- Kể tên sáu tam giác đều có chung đỉnh O .
- Các góc ở sáu đỉnh của hình lục giác đều có bằng nhau không?
- So sánh độ dài đường chéo chính AD với cạnh AB .

Câu 2. Gọi tên mỗi tứ giác vẽ trên lưới ô vuông dưới đây và giải thích.

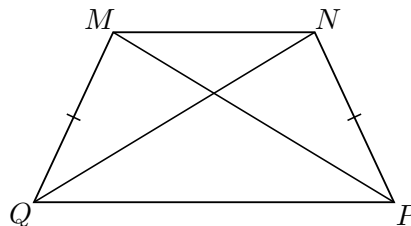


Câu 3. Cho hình bình hành $ABCD$ có hai đường chéo cắt nhau tại O . Biết $AB = 6$ cm, $BC = 4$ cm, $OB = 3$ cm.



- Tính độ dài CD , AD và BD .
- So sánh góc BAD và góc BCD .

Câu 4. Cho hình thang cân $MNPQ$ có $MN \parallel PQ$, $MQ = 4$ cm, $MP = 7$ cm, $\widehat{MQP} = 65^\circ$. Tính NP , NQ và số đo góc NPQ .



Câu 5. Tính chu vi và diện tích của:

- Hình vuông có cạnh 7 cm;
- Hình chữ nhật có chiều dài 9 cm, chiều rộng 5 cm;
- Hình thoi có cạnh 5 cm và hai đường chéo dài 8 cm, 6 cm.

Câu 6. Tính diện tích của:

- a) Hình bình hành có cạnh đáy 12 cm và chiều cao tương ứng 7 cm;
- b) Hình thang có hai đáy 6 cm, 10 cm và chiều cao 5 cm.

Phần B. Vẽ hình – Thông hiểu – Vận dụng

Câu 1. Vẽ tam giác đều ABC có cạnh 4 cm bằng thước và ê ke. Nêu các bước vẽ.

Câu 2. Vẽ hình chữ nhật $ABCD$ có $AB = 5$ cm, $BC = 3$ cm. Đo rồi so sánh độ dài hai đường chéo AC và BD .

Câu 3. Vẽ các hình sau bằng thước và ê ke:

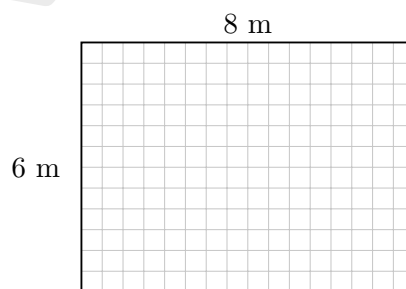
- a) Hình thoi $ABCD$ có cạnh 3 cm;
- b) Hình bình hành $MNPQ$ có $MN = 5$ cm, $NP = 3$ cm.

Câu 4. Một hình chữ nhật có chu vi 30 cm, chiều dài hơn chiều rộng 3 cm. Tính diện tích hình chữ nhật đó.

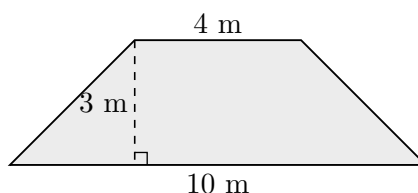
Câu 5. Giải các bài toán sau:

- a) Một hình vuông có diện tích 64 cm^2 . Tính chu vi hình vuông đó.
- b) Một hình thoi có diện tích 54 cm^2 và một đường chéo dài 12 cm. Tính độ dài đường chéo còn lại.

Câu 6. Nền một căn phòng hình chữ nhật dài 8 m, rộng 6 m được lát bằng các viên gạch hình vuông cạnh 50 cm (coi mạch vữa không đáng kể). Mỗi viên gạch giá 45 000 đồng. Tính số tiền mua gạch.

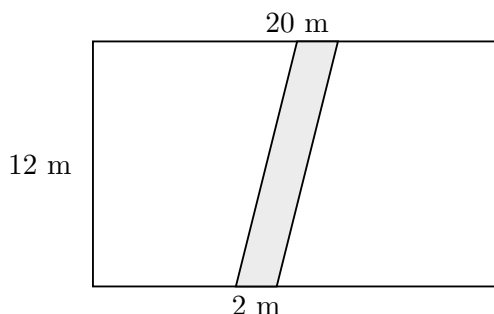


Câu 7. Mặt cắt ngang của một con đê có dạng hình thang với đáy trên 4 m, đáy dưới 10 m và chiều cao 3 m. Tính diện tích mặt cắt ngang của con đê.

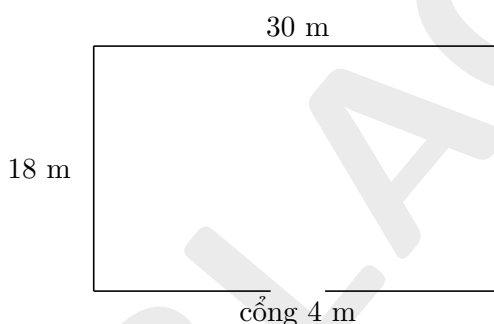


Phần C. Vận dụng tổng hợp

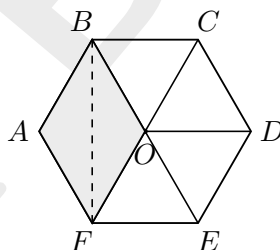
Câu 1. Một khu vườn hình chữ nhật dài 20 m, rộng 12 m. Người ta làm một lối đi hình bình hành cắt ngang vườn, có cạnh đáy 2 m nằm trên hai chiều dài của vườn (phần tô đậm). Phần còn lại trồng hoa. Tính diện tích trồng hoa.



Câu 2. Một mảnh đất hình chữ nhật dài 30 m, rộng 18 m. Người ta rào xung quanh mảnh đất bằng 3 vòng dây thép, chừa một cổng rộng 4 m (không rào). Tính tổng chiều dài dây thép cần dùng.

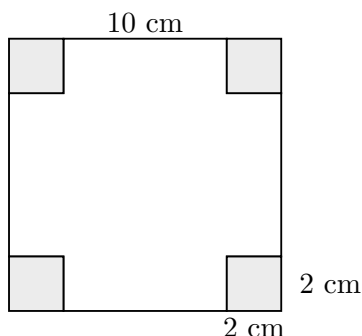


Câu 3. Hình lục giác đều $ABCDEF$ tâm O có cạnh 5 cm và $BF \approx 8,7$ cm.



- Tính chu vi hình lục giác đều.
- Tính diện tích hình thoi $ABOF$, từ đó tính diện tích hình lục giác đều.

Câu 4. Từ một tấm bìa hình vuông cạnh 10 cm, người ta cắt bỏ ở bốn góc bốn hình vuông nhỏ cạnh 2 cm (phần tô đậm) để gấp thành một cái hộp không nắp.



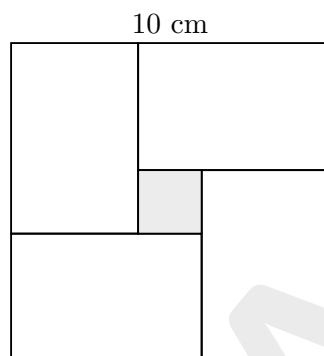
- Tính diện tích phần bìa còn lại.
- Tính chu vi phần bìa còn lại. Em có nhận xét gì?

Phần D. Dành cho học sinh giỏi

Câu 1. Một hình chữ nhật, nếu tăng chiều dài thêm 3 m và giữ nguyên chiều rộng thì diện tích tăng thêm 24 m^2 ; nếu giảm chiều rộng đi 2 m và giữ nguyên chiều dài thì diện tích giảm đi 30 m^2 . Tính diện tích hình chữ nhật ban đầu.

Câu 2. Cho hình chữ nhật $ABCD$ có $AB = 12 \text{ cm}$, $BC = 8 \text{ cm}$. Gọi M, N, P, Q lần lượt là trung điểm của AB, BC, CD, DA . Biết $MNPQ$ là hình thoi. Tính diện tích hình thoi $MNPQ$ và so sánh với diện tích hình chữ nhật $ABCD$.

Câu 3. Bốn hình chữ nhật bằng nhau được ghép quanh một hình vuông nhỏ cạnh 2 cm (phần tô đậm) để tạo thành một hình vuông lớn cạnh 10 cm như hình dưới. Tính chiều dài, chiều rộng và chu vi của mỗi hình chữ nhật.



HẾT